

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG XUẤT NHẬP KHẨU ORIENT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG XUẤT NHẬP KHẨU ORIENT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ORIENT EXPORT IMPORT CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ORIENT EXIMCONS .,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109028331

**3. Ngày thành lập:** 17/12/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 57, Phố Nguyễn Trãi, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                        | 4101(Chính) |
| 2.  | Xây dựng nhà không để ở                                                  | 4102        |
| 3.  | Xây dựng công trình đường sắt                                            | 4211        |
| 4.  | Xây dựng công trình đường bộ                                             | 4212        |
| 5.  | Xây dựng công trình điện                                                 | 4221        |
| 6.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                      | 4222        |
| 7.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                       | 4223        |
| 8.  | Xây dựng công trình công ích khác                                        | 4229        |
| 9.  | Xây dựng công trình thủy                                                 | 4291        |
| 10. | Xây dựng công trình khai khoáng                                          | 4292        |
| 11. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                    | 4293        |
| 12. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                               | 4299        |
| 13. | Phá dỡ                                                                   | 4311        |
| 14. | Chuẩn bị mặt bằng                                                        | 4312        |
| 15. | Lắp đặt hệ thống điện                                                    | 4321        |
| 16. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí    | 4322        |
| 17. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                           | 4329        |
| 18. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                           | 4330        |
| 19. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                      | 4390        |
| 20. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá) | 4511        |

|     |                                                                                                                      |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 21. | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)<br>(Không bao gồm hoạt động đầu giá)                                     | 4512 |
| 22. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>(Không bao gồm hoạt động đầu giá)                                               | 4513 |
| 23. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                       | 4520 |
| 24. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(Không bao gồm hoạt động đầu giá)              | 4530 |
| 25. | Bán mô tô, xe máy<br>(Không bao gồm hoạt động đầu giá)                                                               | 4541 |
| 26. | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                  | 4542 |
| 27. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>(Không bao gồm hoạt động đầu giá)                           | 4543 |
| 28. | Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa                       | 4610 |
| 29. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                               | 4620 |
| 30. | Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì                                                                       | 4631 |
| 31. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                   | 4632 |
| 32. | Bán buôn đồ uống                                                                                                     | 4633 |
| 33. | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào                                                                                | 4634 |
| 34. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                 | 4641 |
| 35. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                   | 4649 |
| 36. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                  | 4651 |
| 37. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                   | 4652 |
| 38. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                               | 4653 |
| 39. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                      | 4659 |
| 40. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                         | 4661 |
| 41. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                  | 4662 |
| 42. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                              | 4663 |
| 43. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                    | 4669 |
| 44. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                    | 4690 |
| 45. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp | 4711 |
| 46. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                   | 4719 |
| 47. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4721 |
| 48. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                     | 4722 |
| 49. | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh                                                  | 4724 |
| 50. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh               | 4741 |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 51. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                               | 4742 |
| 52. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                         | 4751 |
| 53. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752 |
| 54. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4753 |
| 55. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 56. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                | 4761 |
| 57. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                              | 4762 |
| 58. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                              | 4763 |
| 59. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                        | 4771 |
| 60. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                 | 4772 |
| 61. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                | 4773 |
| 62. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                               | 8299 |
| 63. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                | 4764 |
| 64. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                          | 4723 |

**6. Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông         | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                    | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN VĂN ĐOÀN     | Số 55, tổ 13, Ngõ Giếng, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                     | Cổ phần phổ thông         | 47.500     | 4.750.000.000         | 23,750    | 024077000071                                                                                |         |
|     |                     |                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                         | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                         | Tổng số                   | 47.500     | 4.750.000.000         | 23,750    |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                         |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | VŨ NGUYỄN HÀ PHƯƠNG | Số 15 ngách 28/30 đường Tăng Thiết Giáp, Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 47.500     | 4.750.000.000         | 23,750    | 013282827                                                                                   |         |
|     |                     |                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                         | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                         | Tổng số                   | 47.500     | 4.750.000.000         | 23,750    |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                         |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                  |                                                                          |                           |        |               |        |              |
|---|------------------|--------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|---------------|--------|--------------|
| 3 | NGUYỄN BÁ CƯỜNG  | Thôn Vài, Xã Hợp Thanh, Huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam         | Cổ phần phổ thông         | 47.500 | 4.750.000.000 | 23,750 | 001083018355 |
|   |                  |                                                                          | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                          | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                          | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                          | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                          | Tổng số                   | 47.500 | 4.750.000.000 | 23,750 |              |
| 4 | NGUYỄN ĐỨC THẮNG | Tràng An, Thị trấn Chúc Sơn, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 47.500 | 4.750.000.000 | 23,750 | 001079014194 |
|   |                  |                                                                          | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                          | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                          | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                          | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                          | Tổng số                   | 47.500 | 4.750.000.000 | 23,750 |              |
| 5 | NGUYỄN MẠNH HÙNG | Thôn Tân Hội, Xã Trần Phú, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam   | Cổ phần phổ thông         | 10.000 | 1.000.000.000 | 5,000  | 001084019683 |
|   |                  |                                                                          | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                          | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                          | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                          | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0             | 0,000  |              |
|   |                  |                                                                          | Tổng số                   | 10.000 | 1.000.000.000 | 5,000  |              |

## 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **VŨ NGUYỄN HÀ PHƯƠNG**

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *14/11/1985*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *013282827*

Ngày cấp: *03/04/2010*

Nơi cấp: *Công an Thành phố Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 15 ngách 28/30 đường Tăng Thiết Giáp, Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 15 ngách 28/30 đường Tăng Thiết Giáp, Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội